

- Cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh thực phẩm (sau đây gọi chung là cơ sở nông sản, thực phẩm) có liên quan đến rau, củ, quả; thịt gia súc, gia cầm; trứng gia cầm; thủy hải sản.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng cơ sở pháp lý phục vụ công tác triển khai Đề án.

1.1. Ban hành các văn bản liên quan:

- a) Quy chế hoạt động của Ban Quản lý Đề án.
- b) Quy chế quản lý và điều kiện tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn”.
- c) Quy chế cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và sản phẩm thực phẩm thuộc “Chuỗi thực phẩm an toàn”.
- d) Chính sách hỗ trợ về đào tạo, huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật để các cơ sở có đủ điều kiện đạt các chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng như: Đánh giá chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP,...(sau đây gọi là hệ thống quản lý chất lượng).

đ) Cơ chế chính sách tạo điều kiện cho 3 chợ đầu mối của thành phố: Bình Điền, Thủ Đức, Hóc Môn tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

1.2. Kiến nghị Chính phủ:

- a) Ban hành các văn bản dưới luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Luật An toàn thực phẩm.
- b) Ban hành các chính sách hỗ trợ cho nhà đầu tư tham gia chuỗi (về giá thuê đất, thuế, vốn...) để nhà đầu tư chuyển sang mô hình nuôi trồng tập trung, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
- c) Chỉ đạo các Bộ - ngành triển khai đồng bộ, quyết liệt và có lộ trình bắt buộc trong việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho các cơ sở nuôi trồng, đánh bắt, sơ chế, sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm.
- d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành có các giải pháp quản lý tốt quá trình nuôi trồng đến sản xuất để các cơ sở có đủ điều kiện tham gia vào chuỗi và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong việc quản lý về an toàn thực phẩm để Đề án triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

2. Khảo sát và xác định cơ sở cần đưa vào chuỗi nông sản, thực phẩm.

2.1. Công tác khảo sát:

2.1.1. Công tác khảo sát:

- a) Xây dựng biểu mẫu khảo sát căn cứ vào điều kiện quy định của chuỗi để Ban Quản lý Đề án có cơ sở đánh giá cơ sở nào đủ điều kiện và cơ sở nào không đủ điều kiện tham gia chuỗi.
- b) Xây dựng kế hoạch khảo sát.
- c) Tiến hành khảo sát.
- d) Báo cáo kết quả khảo sát.

2.1.2. Đối tượng khảo sát:

a) Khảo sát cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt.

Đối tượng chọn khảo sát:

- Đối với cơ sở chăn nuôi gà thịt: quy mô trại từ 20.000 con trở lên.
- Đối với cơ sở chăn nuôi heo thịt: quy mô trại từ 500 con trở lên.
- Đối với cơ sở chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm: quy mô trại từ 20.000 con trở lên.
- Đối với cơ sở trồng rau củ quả: có sản lượng cung cấp rau củ quả từ 1 tấn/ngày trở lên.
- Đối với cơ sở nuôi cá tra, cá diêu hồng, nuôi tôm: có năng suất từ 30 tấn/năm trở lên.
- Đối với cơ sở thu mua cá nục: có năng suất từ 30 tấn/năm trở lên.

b) Khảo sát cơ sở giết mổ, sơ chế, chế biến.

Đối tượng chọn khảo sát:

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc: dây chuyền giết mổ công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô giết mổ từ 100 con/ngày trở lên.
- Đối với cơ sở giết mổ gia cầm: dây chuyền giết mổ công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô giết mổ từ 1000 con/ngày trở lên.
- Đối với cơ sở sơ chế trứng gia cầm: dây chuyền sơ chế công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô sơ chế từ 10.000 trứng/ngày trở lên.
- Đối với cơ sở sơ chế rau củ quả: quy mô sơ chế từ 1 tấn rau củ quả/ngày trở lên.
- Đối với cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản: có năng suất từ 30 tấn/năm trở lên.

c) Khảo sát cơ sở kinh doanh thực phẩm.

Đối tượng khảo sát: Hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng chuyên doanh, các cửa hàng kinh doanh của các công ty và các chợ đầu mối nông sản thực phẩm.

2.2. Xác định cơ sở xây dựng mô hình sản xuất, sơ chế - chế biến, kinh doanh đạt tiêu chuẩn của chuỗi:

Sau khi các đoàn đi khảo sát báo cáo thuận lợi, khó khăn và tồn tại của tất cả các cơ sở đã khảo sát. Ban Quản lý Đề án quyết định cơ sở nào sẽ được xác định để tham gia mô hình.

3. Tổ chức hội nghị triển khai ký kết các văn bản trong phối hợp chỉ đạo và quản lý:

3.1. Phối hợp giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan để tổ chức ký kết về việc chỉ đạo triển khai quản lý theo Đề án.

3.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì ký các văn bản phối hợp quản lý giữa các Sở chuyên ngành trong việc kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; Sở Công Thương chủ trì việc ký kết tiêu thụ sản phẩm giữa các tỉnh, thành đưa sản phẩm về thành phố tiêu thụ.

4. Hỗ trợ các cơ sở nông sản, thực phẩm đủ điều kiện tham gia “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

4.1. Đối với cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất:

- a) Tập huấn cho cơ sở thực hiện đúng quy định của chuỗi.
- b) Đưa ra những lỗi cần sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định của chuỗi và xây dựng lộ trình thực hiện cho từng cơ sở.
- c) Lập kế hoạch cần hỗ trợ cho từng cơ sở.
- d) Kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc sửa chữa, bổ sung của từng cơ sở.
- đ) Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất áp dụng các biện pháp truy xuất nguồn gốc.

4.2. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm:

- a) Tập huấn cho cơ sở thực hiện đúng quy định của chuỗi.
- b) Đưa ra những lỗi cần sửa chữa, bổ sung cho đúng quy định của chuỗi và xây dựng lộ trình thực hiện cho từng cơ sở cụ thể.
- c) Lập kế hoạch cần hỗ trợ cho cơ sở để thực hiện đúng các quy định của chuỗi.
- d) Kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc sửa chữa, bổ sung của cơ sở.
- đ) Hỗ trợ cơ sở kinh doanh áp dụng các biện pháp truy xuất nguồn gốc.

5. Tổ chức thẩm định.

5.1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thẩm định đúng theo Quy chế cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở nông sản, thực phẩm thuộc “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

5.2. Cấp giấy chứng nhận cơ sở nông sản, thực phẩm thuộc “chuỗi thực phẩm an toàn”.

6. Nâng cao năng lực quản lý và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành.

6.1. Tập huấn cho cán bộ tham gia quản lý Đề án về: Hệ thống quản lý chất lượng, kiểm tra, thẩm định.

6.2. Tập huấn công tác hậu kiểm, lấy mẫu, test nhanh, thông tin, báo cáo.

6.3. Tổ chức tham quan học tập mô hình quản lý thực phẩm theo chuỗi tại một số nước Châu Á.

7. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

7.1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng những quy định của chuỗi; Giám sát nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra đối với sản phẩm thuộc chuỗi; Giám sát việc thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm thuộc chuỗi; Giám sát việc ghi nhãn và sử dụng Logo chuỗi.

7.2. Kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở kinh doanh.

7.3. Giám sát định kỳ theo quý và giám sát đột xuất khi nghi ngờ hay có sự cố liên quan đến an toàn thực phẩm.

8. Công tác truyền thông:

8.1. Biên soạn tài liệu tuyên truyền, in ấn, xây dựng Logo và tổ chức quảng bá về “Chuỗi thực phẩm an toàn”.

8.2. Xây dựng danh mục chuỗi thực phẩm an toàn trên trang web về An toàn thực phẩm thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Sở Y tế, để giới thiệu sản phẩm chuỗi cho người tiêu dùng và các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm.

8.3. Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo giới thiệu sản phẩm của chuỗi với các tổ chức, các cơ sở có nhu cầu mua và sử dụng sản phẩm của chuỗi. Tổ chức cho các cơ sở thuộc chuỗi giao lưu và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Tổ chức các hội chợ triển lãm về sản phẩm của chuỗi.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Căn cứ kế hoạch hoạt động hàng năm, Ban quản lý Đề án lập dự trù kinh phí trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

Sở Tài chính căn cứ vào kế hoạch thực hiện hàng năm của Ban Quản lý Đề án để cấp kinh phí hoạt động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Quản lý Đề án và các Sở liên quan có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện từng năm theo nội dung, tiến độ thực hiện Đề án đã được phân công (Phụ lục 2).

Ban Quản lý Đề án tổ chức báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố và tổng kết việc thực hiện các mục tiêu Đề án đề ra và xây dựng kế hoạch cho những năm kế tiếp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố
- TTUE; CT, các PCT;
- UBND các tỉnh, thành phố: Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Long An, Tiền Giang, Trà Vinh, Cần Thơ, Đồng Tháp, Bến Tre;
- Sở Y tế; Sở Công Thương; Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các thành viên BCD liên ngành về VSATTP;
- VPUE: CPVP; Phòng VX, KHTH, CNN;
- Lưu: VT (VX/P) H. 65

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hứa Ngọc Thuận



PHỤ LỤC 1
BẢNG LIỆT KÊ CỤ THỂ TÊN VÀ SẢN LƯỢNG
TỪNG CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN

*(Kèm theo Kế hoạch số 304 /KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2013
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	NHÓM SẢN PHẨM CHUỖI	SẢN PHẨM CHUỖI	TỔNG SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CỦA THÀNH PHỐ NĂM 2011	ƯỚC SẢN LƯỢNG ĐẠT CHUỖI AN TOÀN ĐẾN CUỐI NĂM 2013 (15%)	ƯỚC SẢN LƯỢNG ĐẠT CHUỖI AN TOÀN ĐẾN CUỐI NĂM 2015 (50%)
1	Rau, củ, quả	Rau muống hạt (kg)	4.340.000	651.000	2.170.000
2		Cải bắp (kg)	96.661.000	14.499.150	48.330.500
3		Dưa leo (kg)	33.306.000	4.995.900	16.653.000
4		Cà rốt (kg)	78.693.000	11.803.950	39.346.500
5		Khô qua (kg)	26.450.000	3.967.500	13.225.000
6		Cà chua (kg)	100.441.000	15.066.150	50.220.500
7	Gia súc, gia cầm	Trứng gà (quả) / Trứng gia cầm	567.382.064 /1.204.454.916	85.107.309	283.691.032
8		Thịt gà (kg)	100.413.641	15.062.046	50.206.820
9		Thịt heo (kg)	210.824.033	31.623.604	105.412.016
10	Thủy hải sản	Tôm nuôi (kg)	10.000	1.500	5.000
11		Cá tra (kg)	17.000	2.500	8.500
12		Cá diêu hồng (kg)	13.000	1.950	6.500
13		Cá nục (kg)	3.000	450	1.500



PHỤ LỤC 2

TIẾN ĐỘ, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ ÁN

(Kèm theo Kế hoạch số 304 /KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian hoàn thành			Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
		2013	2014	2015			
1	Xây dựng cơ sở pháp lý phục vụ công tác triển khai Đề án						
1.1	Ban hành các văn bản liên quan	T4			Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan	
1.2	Kiến nghị Chính phủ	T6			Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan	
2	Khảo sát và xác định cơ sở cần đưa vào chuỗi nông sản, thực phẩm						
2.1	Công tác khảo sát	T3			Sở NN và PTNT Sở Công Thương		
2.2	Xác định cơ sở để xây dựng mô hình sản xuất, sơ chế - chế biến, kinh doanh đạt tiêu chuẩn của Chuỗi	T5			Ban Quản lý Đề án		
3	Tổ chức hội nghị triển khai, ký kết văn bản trong phối hợp chỉ đạo và quản lý						
3.1	Ký kết giữa Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan về việc chỉ đạo triển khai quản lý theo Đề án.	T6			Ban Quản lý Đề án	Sở NN & PTNT tham mưu	

3.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì ký kết các văn bản phối hợp quản lý giữa các Sở chuyên ngành trong việc kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý an toàn thực phẩm; Sở Công Thương chủ trì việc ký kết tiêu thụ sản phẩm giữa các tỉnh đưa sản phẩm về thành phố tiêu thụ.	T7				Sở NN & PTNT, Sở Công Thương	
4	Hỗ trợ các cơ sở nông sản, thực phẩm đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”						
4.1	Tư vấn các cơ sở hoàn chỉnh về hồ sơ sổ sách, phương pháp quản lý, truy nguyên nguồn gốc... để đủ chuẩn vào chuỗi.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh
4.2	Huấn luyện, đào tạo	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh
4.3	Quảng bá thương hiệu, hỗ trợ sản phẩm đầu ra, sử dụng logo chuỗi thực phẩm an toàn trên bao bì sản phẩm.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh
4.4	Có chính sách hỗ trợ về nuôi trồng tập trung.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh
5	Tổ chức thẩm định						
5.1	Xây dựng kế hoạch, ra quyết định thành lập đoàn thẩm định, tổ chức thẩm định.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh
5.2	Cấp giấy chứng nhận	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Sở Y tế

6	Nâng cao năng lực quản lý và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh							
6.1	Tập huấn cho cán bộ tham gia quản lý Đề án về: Hệ thống quản lý chất lượng, kiểm tra, thẩm định.	T12	Bổ sung	Bổ sung	Sở NN & PTNT	Các Sở liên quan		
6.2	Tập huấn công tác hậu kiểm, lấy mẫu, test nhanh, thông tin, báo cáo.	T12	Bổ sung	Bổ sung	Sở NN & PTNT	Các Sở liên quan		
6.3	Tổ chức tham quan học tập mô hình quản lý thực phẩm theo chuỗi tại các nước Châu Á.	T12	Bổ sung	Bổ sung	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan		
7	Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của “chuỗi thực phẩm an toàn”							
7.1	Kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở đã vào chuỗi.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh		
7.2	Kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở kinh doanh	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh		
7.3	Giám sát đột xuất khi sản phẩm thuộc chuỗi có sự cố.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh		
8	Công tác truyền thông							
8.1	Soạn tài liệu tuyên truyền, in ấn, xây dựng logo và tổ chức quảng bá về “chuỗi thực phẩm an toàn”.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan		

8.2	Đưa danh sách các cơ sở đã vào chuỗi và các sản phẩm thuộc chuỗi lên website Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Sở Y tế	
8.3	Tổ chức các Hội thảo, Hội nghị liên quan đến việc quản lý, giới thiệu sản phẩm của chuỗi. Tổ chức cho các cơ sở thuộc chuỗi giao lưu và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Tổ chức các hội chợ triển lãm về sản phẩm của chuỗi.	Cả năm	Cả năm	Cả năm	Ban Quản lý Đề án	Các Sở liên quan, các tỉnh